

Số: 316/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 34

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Xét Tờ trình số 4586/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025; Báo cáo số 684/BC-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025; Báo cáo số 708/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2025; Báo cáo số 740/BC-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của tỉnh Quảng Ninh với nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm”, giá trị văn hóa và sức mạnh con người Quảng Ninh; xây dựng nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững, dựa trên các động lực mới như khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, tạo môi trường ổn định cho phát triển.

Phấn đấu đưa Quảng Ninh trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030, phát triển vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế vào năm 2045, giữ vững vị thế là một trong những đầu tàu kinh tế quan trọng của quốc gia, tự tin và vững vàng tiến bước trong kỷ nguyên phát triển mới.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) *Về kinh tế*: (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 12%/năm. (2) Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đến năm 2030 đạt trên 18%. (3) GRDP bình quân đầu người đạt trên 20.000 USD. (4) Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt 30%. (5) Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 55%. (6) Phân đầu thành lập mới đạt 2.000 doanh nghiệp/năm. (7) Đóng góp của kinh tế tư nhân trong GRDP trên 40-45%. (8) Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân đạt trên 12%/năm. (9) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 12%/năm. (10) Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 75% và nâng cao chất lượng đô thị.

b) *Về xã hội*: (11) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt trên 90%, trong đó đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 48%. (12) Tỷ lệ thất nghiệp (bao gồm tỷ lệ thất nghiệp thành thị và tỷ lệ thất nghiệp nông thôn) dưới 2%. (13) Đạt 68 giường bệnh/1 vạn dân (gồm 65 giường công lập/1 vạn dân và 3 giường tư nhân/1 vạn dân); 19 bác sĩ/1 vạn dân; 8 dược sĩ đại học/1 vạn dân; 33 điều dưỡng/1 vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%. (14) Phân đầu chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh ở nhóm 5 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; tuổi thọ trung bình người dân trên 76 tuổi. (15) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt trên 95%. (16) Toàn tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia.

c) *Về môi trường*: (17) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 99%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt trên 85%. (18) Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị và các xã đảo, các xã có hoạt động du lịch, dịch vụ bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100% và tại các khu vực nông thôn đạt 90%. Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải tại các khu đô thị tập trung đạt 100%. (19) Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn xả thải ra môi trường đạt 100%. (20) Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 50% và nâng cao chất lượng rừng.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành các nhiệm vụ, giải pháp do UBND tỉnh kiến nghị và nhấn mạnh các nhiệm vụ chủ yếu sau:

3.1. *Đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế*

a) *Phát triển công nghiệp xanh, chuyển đổi xanh, ưu tiên các ngành có tính nền tảng, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ cao và giá trị gia tăng lớn*

Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, tạo bứt phá mạnh mẽ; tăng trưởng nhanh, bền vững, tăng cường huy động nguồn lực cho phát triển.

Phát triển công nghiệp xanh, chuyển đổi năng lượng bền vững, hình thành trung tâm chế biến, chế tạo công nghệ cao. Thu hút có chọn lọc nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); ưu tiên các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế, các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo có công nghệ

tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, sạch (xanh), quản trị hiện đại, có quy mô lớn, giá trị gia tăng và sức lan tỏa cao, kết nối với chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp tại Khu kinh tế ven biển Quảng Yên, Đặc khu kinh tế thế hệ mới Vân Đồn, Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái và tăng cường hợp tác thu hút đầu tư, phát triển sản xuất giữa các khu.

Phát triển hợp lý, bền vững ngành công nghiệp khai khoáng, trọng điểm là ngành than; tiếp tục giữ vững vai trò là một trung tâm năng lượng của quốc gia. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trọng tâm: Phát triển đồng bộ, hợp lý các loại hình năng lượng theo quy hoạch; ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; khuyến khích các hộ sử dụng điện lớn có khả năng xây dựng hệ thống thu hồi năng lượng để sản xuất điện; phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ và hệ thống lưu trữ năng lượng; phát triển mạnh hệ thống xử lý rác có thu hồi năng lượng. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh, đảm bảo sớm đưa dự án vào vận hành. Thu hút tối đa các nguồn vốn đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài vào các dự án năng lượng để triển khai các dự án theo quy hoạch, kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII như: Nhà máy điện gió Quảng Ninh 1, 2, 3, 4, 5; nhà máy điện gió tại các địa bàn Bình Liêu, Tiên Yên, Móng Cái; điện năng lượng mặt trời tại xã Đàm Hà;...

b) Phát triển du lịch, dịch vụ tổng hợp hiện đại ngày càng khẳng định vai trò chủ đạo, trụ cột quan trọng trong phát triển kinh tế

Xây dựng, triển khai Đề án phát triển kinh tế di sản và kinh tế đêm tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030, Đề án nâng tầm giá trị Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long. Xây dựng và triển khai quy hoạch khu vực Yên Tử. Bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa thế giới Quần thể Di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm, Côn Sơn, Kiếp Bạc. Phát triển khu du lịch vịnh Bái Tử Long, khu du lịch Trà Cổ; xây dựng Vân Đồn - Cô Tô trở thành khu du lịch hàng đầu quốc gia. Thu hút đầu tư các dự án du lịch, dịch vụ chất lượng cao; kết nối khai thác các chuyến bay qua Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, tuyến du lịch bằng đường biển; đa dạng hoá các sản phẩm du lịch có thương hiệu, sức cạnh tranh cao, du lịch cộng đồng bền vững. Phát triển tỉnh Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối với khu vực và thế giới.

Phát triển dịch vụ tổng hợp hiện đại ngày càng giữ vai trò chủ đạo; phát triển Quảng Ninh là trung tâm logistics, cửa ngõ trung chuyển vận tải đa phương thức kết nối với Trung Quốc, Đông Bắc Á và ASEAN. Tập trung phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, đa dạng loại hình dịch vụ. Phát triển hệ thống chợ đầu mối hiện đại, thông minh, bền vững; đẩy mạnh thương mại điện tử; hình thành các sàn giao dịch hàng hóa. Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Tăng cường kết nối giữa các địa phương trong vùng và liên kết vùng theo hướng trao đổi hàng hóa, gắn

với liên kết các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm, quảng bá, giao lưu quốc tế.

c) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị

Phát triển nền nông nghiệp sinh thái xanh - sạch, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, góp phần phục vụ trực tiếp cho phát triển du lịch, dịch vụ. Thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; nâng cao giá trị các sản phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP và đảm bảo an toàn thực phẩm; hình thành các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ nông sản gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã. Phát triển các khu ứng dụng công nghệ cao Đông Triều, Đầm Hà, Tiên Yên và phát triển sản xuất tập trung về chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2035, Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác thủy - hải sản công nghệ cao, bền vững gắn với bảo vệ môi trường và nguồn lợi. Hoàn thiện hệ thống hậu cần nghề cá theo hướng hiện đại, phấn đấu từng bước trở thành trung tâm thủy sản miền Bắc; tăng cường bảo tồn, kiểm soát hoạt động khai thác và kiên quyết chống khai thác IUU. Phát triển lâm nghiệp bền vững, giá trị cao; tập trung phát triển rừng gỗ lớn, giữ vững diện tích rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn. Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản gắn với vùng nguyên liệu; thúc đẩy dịch vụ môi trường rừng và tham gia thị trường tín chỉ các-bon.

d) Phát triển kinh tế biển bền vững đa mục tiêu

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò các khu kinh tế và các vùng du lịch vịnh Hạ Long - vịnh Bái Tử Long, Vân Đồn, Cô Tô. Tổ chức lại và khai thác hợp lý, khoa học không gian phát triển kinh tế biển; nâng cao hiệu lực quản lý tổng hợp vùng bờ và vùng vịnh, bảo đảm khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển, hải đảo và không gian biển. Đầu tư phát triển hạ tầng vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics; hình thành trung tâm logistics vùng và liên vùng tại Khu kinh tế ven biển Quảng Yên, Khu kinh tế ven biển Vân Đồn và Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái. Thu hút đầu tư phát triển hệ thống cảng biển nước sâu, cảng tàu và âu tàu du lịch hiện đại, đẳng cấp quốc tế.

e) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực tăng trưởng mới

Đẩy mạnh thực hiện đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị. Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Thúc đẩy phát triển kinh tế số, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghiệp sáng tạo, công nghệ chiến lược, kinh tế chia sẻ, kinh tế dữ liệu, sản xuất thông minh, thương mại điện tử và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, thúc đẩy hệ sinh thái công dân số. Tập trung thu hút đầu tư phát triển hạ tầng khoa học

công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng và triển khai Chiến lược chuyển đổi số, Chiến lược dữ liệu số tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo đồng bộ, liên thông, chia sẻ, kết nối với khung kiến trúc dữ liệu quốc gia. Xây dựng, phát triển Khu công nghiệp công nghệ số tập trung phường Tuần Châu. Khai thác, vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) và Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng (SOC), bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Kết nối hiệu quả Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và hỗ trợ chuyển đổi số của tỉnh với Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia.

Phát triển kinh tế tư nhân để trở thành là động lực hàng đầu thúc đẩy tăng trưởng và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị. Phát triển doanh nghiệp tư nhân; ưu tiên thu hút các tập đoàn kinh tế lớn, có tiềm lực tài chính, đầu tư ổn định, lâu dài; tích cực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các thành phần kinh tế hộ cá thể, kinh tế hợp tác; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai kế hoạch hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho khu vực kinh tế tư nhân. Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Phấn đấu giai đoạn 2026 - 2030 có ít nhất 05 doanh nghiệp tư nhân nằm trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).

g) Phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp xanh, hiện đại

Đặc khu kinh tế Vân Đồn: Phát triển là khu kinh tế ven biển đa ngành, kết hợp công nghiệp giải trí, casino, du lịch cao cấp và dịch vụ tổng hợp, logistics đồng thời là cửa ngõ giao thương quốc tế với sản phẩm cạnh tranh toàn cầu để hiện thực hóa Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040 tại Quyết định 266/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Đặc khu kinh tế Vân Đồn. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm về du lịch, dịch vụ, giải trí cao cấp, sân golf... tại Vân Đồn.

Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái: Triển khai hiệu quả các Đề án thí điểm: Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc; Cửa khẩu thông minh Móng Cái (Việt Nam) - Đông Hưng (Trung Quốc); Khu hợp tác ngành nghề qua biên giới Móng Cái (Việt Nam) - Đông Hưng (Trung Quốc). Xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái trở thành một trong những cực tăng trưởng kinh tế phát triển năng động, bền vững của tỉnh và của vùng Đông Bắc, trung tâm phát triển kinh tế quan trọng của vành đai kinh tế ven biển vịnh Bắc Bộ.

Khu kinh tế ven biển Quảng Yên: Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển Quảng Yên. Xây dựng, phát triển Khu kinh tế ven biển Quảng Yên là hạt nhân, động lực tăng trưởng mới của tuyến phía Tây của tỉnh và của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trở thành đô thị - công nghiệp - dịch vụ - cảng biển thông minh, hiện đại. Xây dựng Trung tâm nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo tại Khu kinh tế ven biển Quảng Yên.

Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Xây dựng định hướng phát triển các khu công nghiệp xanh, khu công nghiệp số và khu công nghiệp sinh thái tại Khu công nghiệp Tiên Phong, Bắc Tiên Phong (Đầm Nhà Mạc); hoàn thành thu hút đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch; huy động nguồn lực đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, xử lý dứt điểm các điểm nghẽn về giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch. Ứng dụng IoT, hệ thống điều hành số và giám sát môi trường thông minh.

h) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành thu, chi ngân sách

Triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch hằng năm; quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển giai đoạn 2026 - 2030 gắn với Quy hoạch tỉnh thời kỳ mới. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong quản lý tài chính, ngân sách và tài sản công, đặc biệt là việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các dự án, công trình động lực, kết nối vùng, liên vùng. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm và xử lý nghiêm các vi phạm trong quản lý tài chính, tài sản, đầu tư công, khoáng sản và đất đai.

3.2. Thực hiện hiệu quả ba đột phá chiến lược

a) Đẩy nhanh tốc độ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại

Tạo đột phá trong thu hút đầu tư, huy động mọi nguồn lực để phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông chiến lược, khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng biển, năng lượng, khoa học công nghệ, đô thị và nông thôn. Khơi thông nguồn lực, lấy đầu tư công làm vốn dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực xã hội và huy động vốn nhân rồi trong dân cư. Đẩy mạnh liên kết vùng và cơ cấu lại không gian phát triển kinh tế phù hợp với mô hình hành chính mới.

Hạ tầng giao thông: Triển khai thực hiện Quy hoạch xây dựng trung tâm hành chính mới của tỉnh, các công trình văn hóa, thể thao, dịch vụ tại khu vực phía Bắc Vịnh Cửa Lục, mở rộng phát triển đô thị đa cực; triển khai một số dự án trọng điểm về đường sắt như: Đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Hạ Long; đường sắt Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái,... Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ các công trình giao thông trọng điểm như: Đường ven biển phía Tây Bắc Vịnh Cửa Lục - cầu Trới 2 - cầu Tình yêu; Dự án Đường bao biển kéo dài từ đường Trần Quốc Nghiễn (gần trụ P4 cầu Bãi Cháy) đi qua cầu Bình Minh đến Cầu Bang... Xây dựng hạ tầng giao thông, hạ tầng kinh tế - xã hội Đặc khu Vân Đồn và Đặc khu Cô Tô đồng bộ, hiện đại bảo đảm vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, vừa củng cố, tăng cường vững chắc quốc phòng - an ninh.

Hạ tầng cảng biển: Đầu tư một số cảng, bến cảng, khu bến quan trọng như: Bến cảng Con Ong - Hòn Nét thuộc khu bến Cẩm Phả; thu hút đầu tư xây dựng

mới các bến cảng thuộc khu bến Quảng Yên, gồm: Bến cảng Khu công nghiệp Nam Tiền Phong; Bến cảng Khu công nghiệp Bắc Tiền Phong; Bến cảng Khu công nghiệp Bạch Đằng (Đầm Nhà Mạc);... Nạo vét các luồng hàng hải: luồng Cẩm Phả, luồng Sông Chanh, luồng Cái Lân. Tập trung hoàn thiện, sớm đưa vào hoạt động hiệu quả cảng Vạn Ninh.

Hạ tầng đô thị: Triển khai Kế hoạch hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị, từng bước hoàn thiện Đề án tỉnh Quảng Ninh trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030; triển khai giải phóng mặt bằng, đầu tư kết cấu hạ tầng khung phục vụ thu hút đầu tư phát triển theo quy hoạch. Đẩy nhanh tốc độ nâng cao chất lượng đô thị hóa, bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới.

Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn: Khai thác hạ tầng thủy lợi, đề điều các hồ chứa nước theo hướng đa mục tiêu, đảm bảo an ninh nguồn nước. Đẩy mạnh chỉnh trang các khu dân cư nông thôn hiện hữu theo đặc trưng, bản sắc văn hóa của khu vực. Nghiên cứu thí điểm mô hình “xã thông minh” đối với một số xã để nhân rộng.

Hạ tầng khác: Tập trung quy hoạch và đầu tư hệ thống hạ tầng chất lượng cao phục vụ phát triển dịch vụ, công nghiệp văn hóa. Phát triển hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục thông minh, hiện đại theo yêu cầu tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 và 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị; thúc đẩy, thu hút đầu tư theo hình thức hợp tác PPP đối với các thiết chế văn hóa, nhà hát, sân vận động,... Quy hoạch và triển khai nhà ở xã hội tại các vị trí phù hợp, bảo đảm đồng bộ hạ tầng.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh tiên phong về ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cải cách hành chính. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực hiện công vụ. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy trình công việc nội bộ và liên thông giữa các cơ quan, địa phương; chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp; nâng cao chất cung cấp lượng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số, đảm bảo thuận tiện và minh bạch. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh công khai, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng; giữ vững vị trí nhóm đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và các chỉ số phản ánh chính quyền liêm chính, kiến tạo, hành động, phục vụ nhân dân.

c) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với tăng quy mô và nâng cao chất lượng dân số; tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo

Triển khai hiệu quả Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, bảo đảm chi ngân sách giáo dục đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước, trong đó chi đầu tư ít nhất 5%. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển toàn diện năng lực,

phẩm chất và thể chất người học gắn với việc xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035. Ưu tiên quỹ đất, cơ sở vật chất giáo dục, đầu tư phòng học thực hành, trải nghiệm đạt chuẩn. Tập trung xây dựng hệ thống trường liên cấp (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu dạy và học. Tập trung phát triển các kỹ năng sáng tạo, kỹ năng khởi nghiệp, STEM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học), ngoại ngữ (đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học), kỹ năng số và công nghệ hiện đại, dạy tiếng Trung tại khu vực biên giới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, AI trong quản trị và xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục số. Phát triển Trường Đại học Hạ Long thành trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao; nâng cao năng lực đào tạo của Trường Cao đẳng Việt - Hàn và các cơ sở dạy nghề; tập trung đào tạo nhân lực các ngành du lịch, dịch vụ, logistics, chế biến chế tạo, năng lượng, nông nghiệp công nghệ cao phục vụ nhu cầu phát triển của tỉnh. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa cơ sở giáo dục và doanh nghiệp.

Triển khai Nghị quyết 57/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 về thu hút nhân lực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thu hút và đào tạo nhân lực các lĩnh vực mũi nhọn như AI, bán dẫn, vật liệu mới, công nghệ sinh học; tổ chức đào tạo kỹ năng số, an toàn thông tin, khởi nghiệp; hợp tác với doanh nghiệp công nghệ để đào tạo chuyên gia kỹ thuật số. Thực hiện hiệu quả Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đổi mới công tác tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, sử dụng nhân sự.

Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về nhà ở và môi trường làm việc để thu hút lao động, bao gồm nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp và nhà ở cho nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, nhân tài, gắn với thiết chế văn hóa, giáo dục. Triển khai Đề án phát triển nhà ở cho công nhân, lao động ngành than và khu công nghiệp, thu hút nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng về làm việc và sinh sống tại Quảng Ninh. Rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2030; Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2026 - 2030, hoàn thành chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội theo Quyết định 444/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

3.3. Phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh; tăng cường quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; nâng cao chất lượng đời sống và hạnh phúc Nhân dân

Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết 17-NQ/TU ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tỉnh ủy; xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng AI trong quản lý và phát triển

văn hóa; phát triển công nghiệp và dịch vụ văn hóa gắn với bảo tồn di sản, hướng tới xây dựng Quảng Ninh trở thành trung tâm văn hóa - nghệ thuật cấp vùng và điểm đến hàng đầu về du lịch di sản, văn hóa tại châu Á. Đầu tư, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở; xã hội hóa thể thao, phát triển thể thao thành tích cao và kinh tế thể thao, phấn đấu đưa Quảng Ninh thành trung tâm thể thao trọng điểm của cả nước. Tăng cường đăng cai các sự kiện văn hóa, giải trí và thể thao quy mô quốc gia, quốc tế nhằm thúc đẩy du lịch và dịch vụ.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá và tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; xây dựng hệ thống y tế hiện đại, cân đối giữa dự phòng và điều trị, phù hợp mô hình chính quyền hai cấp. Củng cố y tế cơ sở, y tế dự phòng; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, kiểm soát dịch bệnh và bảo đảm tiếp cận dịch vụ y tế bình đẳng; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân ít nhất 01 lần trong năm; chuyển trọng tâm từ kế hoạch hóa sang dân số và phát triển, xây dựng chính sách khuyến khích tăng dân số. Phát triển y tế chuyên sâu, dịch vụ chất lượng cao; đầu tư mới, nâng cấp các bệnh viện lớn; xã hội hóa bệnh viện đạt tiêu chuẩn khu vực, hướng tới đưa Quảng Ninh trở thành trung tâm dịch vụ y tế kỹ thuật cao của cả nước.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nhất là đối với người có công, người cao tuổi, trẻ em, bình đẳng giới, người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Bảo vệ quyền trẻ em, nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân; thúc đẩy đào tạo, đào tạo lại, chuyển dịch lao động và nâng cao thu nhập cho người dân vùng nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chương trình, chính sách về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

3.4. Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai

Tập trung thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 phù hợp tình hình mới, quy hoạch, tổ chức lại không gian phát triển của tỉnh; quy hoạch Khu trung tâm hành chính mới của tỉnh tại xã Thống Nhất; tăng cường liên kết vùng, nội vùng. Chuẩn bị quỹ đất sạch, mặt bằng sản xuất để thu hút đầu tư, đặc biệt trong công nghiệp chế biến, chế tạo, khoa học công nghệ và dịch vụ. Rà soát, xử lý, thu hồi các dự án chậm tiến độ, vi phạm pháp luật; lành mạnh hóa thị trường bất động sản. Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản bền vững; tận dụng đất, đá thải mỏ làm vật liệu san lấp các dự án kinh tế - xã hội. Hoàn thiện cơ chế giao đất, cho thuê, chuyển mục đích, định giá và thu hồi đất.

Khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lợi tự nhiên, tiết kiệm tài nguyên, hạn chế phát thải, bảo vệ môi trường; ứng dụng khoa học công nghệ, thu hút đầu tư và nâng cao hiệu quả hệ thống xử lý rác thải, nước thải công nghệ cao, thân thiện môi trường. Xây dựng nhà máy điện rác tại các khu vực tiềm năng, kết nối hạ

tăng lưới điện, xử lý tối đa rác thải đô thị. Nâng cao hiệu lực quản lý tổng thể vùng bờ và vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long, Cửa Lục; quản lý chặt chẽ, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên biển, hải đảo, vùng đất ven biển và bảo tồn đa dạng sinh học. Bảo tồn rừng Quốc gia Yên Tử và xây dựng Đồng Sơn - Kỳ Thượng thành Khu dự trữ thiên nhiên gắn với Di sản - kỳ quan Vịnh Hạ Long. Bảo đảm an ninh nguồn nước; củng cố hệ thống đê sông, đê biển, hồ chứa và các công trình phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3.5. Tăng cường quốc phòng, an ninh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế

Triển khai hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Tỉnh về quốc phòng, an ninh; duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới, biển đảo, không để bị động, bất ngờ. Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá, đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh trên mọi lĩnh vực; tăng cường ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý biên giới. Triển khai chiến lược quốc gia phòng ngừa, ứng phó đe dọa an ninh phi truyền thống; đấu tranh quyết liệt với tội phạm ma túy, có tổ chức, công nghệ cao, liên quan khoáng sản, môi trường và hàng giả; bảo đảm an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện; lực lượng thường trực tinh, gọn, mạnh; dân quân tự vệ rộng khắp; dự bị động viên hùng hậu. Rà soát, bố trí hợp lý dân cư vùng biên giới, biển, đảo; tiếp tục đầu tư thể trận khu vực phòng thủ; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 540-KH/TU, ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy hội nhập văn hóa - du lịch. Hằng năm, phối hợp triển khai chương trình Gặp gỡ đầu xuân và Hội nghị Ủy ban công tác liên hợp với các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hải Phòng (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc).

3.6. Xây dựng chính quyền liêm chính, phục vụ, kiến tạo phát triển, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 50-CTr/TU, ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Nâng cao năng lực triển khai, tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước, đặc biệt về đầu tư, kinh doanh; tập trung tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực để phát triển nhanh, bền vững.

Xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”; rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm; xây dựng chính

quyền số vận hành theo nguyên tắc “Một hệ thống thống nhất - Một dữ liệu duy nhất - Một dịch vụ liền mạch”. Chuyển đổi tư duy quản lý sang kiến tạo, quản trị hiện đại, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Bảo vệ, khuyến khích cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không vụ lợi; khắc phục tình trạng sợ sai, sợ trách nhiệm. Triển khai đồng bộ, thường xuyên, toàn diện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; chuyển trọng tâm sang phòng ngừa, cảnh báo vi phạm. Chủ động khắc phục những hạn chế, yếu kém được chỉ ra sau kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở; tập trung xử lý dứt điểm các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài, không để phát sinh điểm nóng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp hằng năm để triển khai thực hiện đạt hiệu quả Nghị quyết.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

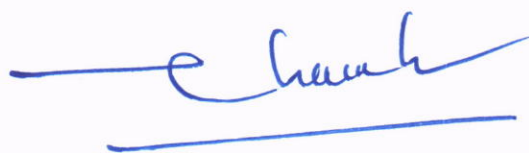
3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy hiệu quả chức năng, vai trò giám sát, phản biện xã hội và động viên các tầng lớp Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XIV, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. / 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HD10 

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh